

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HS-ST
Ngày: 07-9-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Danh Vượng.

2. Bà La Thị Thu Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 86/2024/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lưu Kiến T (tên gọi khác: P), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1966 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim L, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Lưu Thị T, sinh năm 1935 (đã chết); có vợ là bà Lê Thị U, sinh năm 1963 và có 04 con, người con lớn nhất sinh năm 1992, người con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 10/01/2024 theo lệnh bắt bị can để tạm giam số 11/LB-ĐTTH-KT-MT, ngày 08/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Lưu Mạnh D (tên gọi khác: DG), sinh ngày 30 tháng 10 năm 1985 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình T (Lưu Đình T), sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1964; có vợ là bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1987 và có 02 con, người con lớn nhất sinh năm 2008, người con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/4/2001, bị Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lập hồ sơ đưa vào Trường giáo

duỡng. Ngày 29/01/2018, bị Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác. Ngày 28/12/2018, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 75/2018/HS-ST; bị bắt ngày 10/01/2024 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 12/LB-ĐTTH-KT-MT, ngày 08/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

3. Lý Văn S (tên gọi khác: S1), sinh ngày 24 tháng 02 năm 1987 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Chơ Ro; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn L, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Lý Thị N, sinh năm 1964; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 10/01/2024 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 13/LB-ĐTTH-KT-MT, ngày 08/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

4. Võ Đình T1 (tên gọi khác: TE), sinh ngày 02 tháng 02 năm 1982 tại thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đình Q, sinh năm 1950 và bà Võ Thị L, sinh năm 1954; có vợ là bà Võ Thị Bích Đ, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 02 con, người con lớn nhất sinh năm 2006, người con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: ¹Tại Bản án số 3072/HSPT, ngày 14/12/2000 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/4/2003, đã nộp án phí, chưa thực hiện phần trách nhiệm dân sự. ²Tại Bản án số 43/HSST, ngày 10/12/2003 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 17/02/2005, đã nộp án phí hình sự, được miễn án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tiền sung ngân sách nhà nước, chưa thực hiện phần trách nhiệm dân sự. ³Tại Bản án số 133/2006/HSST, ngày 14/8/2006 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/11/2009, đã nộp án phí hình sự. ⁴Tại Bản án số 30/2011/HSST, ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 11 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/10/2020, đã nộp án phí hình sự, chưa thực hiện phần trách nhiệm dân sự. Đến nay, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị bắt ngày 10/01/2024 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 14/LB-ĐTTH-KT-MT, ngày 08/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

5. Lê Thiện Đ (tên gọi khác: CL), sinh ngày 18 tháng 10 năm 1987 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi cư trú: Thôn S1, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê M, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1946; có vợ là bà Lý Kiều G, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Tại quyết định số 22/QĐ-TA, ngày 07/9/2020 của Tòa án

nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong và tự ra trại ngày 05/5/2023; nhân thân: Ngày 03/6/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 28/2011/HSST; bị bắt ngày 14/01/2024 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 15/LB-ĐTTH-KT-MT, ngày 08/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 (Có mặt).

+ Anh Phạm Văn T2, sinh năm 2000 (Có mặt).

+ Anh Phạm Hữu T3, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2006 (Có mặt).

Nơi cư trú: Cùng trú tại ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1987 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Bà Lê Thị U, sinh năm 1963 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 26/11/2023, bà Nguyễn Thị P và con trai là anh Phạm Văn T2 đi cắt cỏ phía sau vườn, khu vực sát ranh vườn nhà bị cáo Lưu Kiến T. Lúc này, bị cáo T đi ra chửi mắng và hỏi tại sao cắt cỏ bên đất vườn của gia đình bị cáo thì giữa bà P và bị cáo xảy ra lời qua tiếng lại, cãi chửi nhau. Do bức tức nên bị cáo chạy về rồi đi qua nhà bị cáo Lưu Mạnh D với mục đích nhờ bị cáo D qua răn đe mẹ, con bà P. Khi bị cáo đến nhà bị cáo D thì có bị cáo Lý Văn S và bị cáo Lê Thiện Đ đang ở đây. Tại đây, bị cáo T kể lại sự việc cho bị cáo D nghe thì được bị cáo D đồng ý giúp và nói bị cáo T cứ đi về trước. Đến chiều, do chưa thấy bị cáo D qua nên bị cáo T tiếp tục gọi điện thoại cho bị cáo D thì được bị cáo D nói sẽ qua liền. Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo D điều khiển xe ô tô (không rõ biển số) chở các bị cáo S, Đ và Võ Đình T1 đến nhà bị cáo T và nói bị cáo T dẫn qua nhà bà P. Lúc này, bà Lê Thị U (vợ của bị cáo T) can ngăn không cho cả nhóm qua nhà bà P thì bị cáo S nói “Thím yên trí, tụi con qua nói chuyện đàng hoàng, để tụi nó không chặt đầu Chú với cắt cỏ của Thím nữa”. Nói xong, cả nhóm đi lối phía sau nhà bà P,

bị cáo D đập hàng rào lưới B40, băng qua hàng rào rồi đi vào phía sau nhà bà P. Tại vườn nhà bà P, bị cáo T nhặt 01 chiếc Cào sắt cầm trên tay còn các bị cáo T1, Đ, S, D đi tay không đến khu vực chuồng Dê phía sau nhà thì gặp bà P trên tay đang cầm 01 chiếc Dao (do trước đó bà P sử dụng dao để giắt các nhánh cây Gòn nên khi nghe tiếng người thì đi ra phía sau nhà). Bị cáo D đi đến đứng đối diện bà P nói chuyện thì hai bên xảy ra cãi lộn nên bị cáo D lấy 01 thanh sắt hình thang tại vị trí gần chuồng Dê (cách khoảng 2 đến 3 mét) quay lại đánh liên tiếp 02 cái vào người bà P gây thương tích. Lúc này, anh Phạm Văn T2 ở phía trước nhà nghe tiếng bà P nên chạy ra sau (lối cửa bếp) thì bị bị cáo S cầm 01 thanh sắt vuông lấy tại nhà bà P đánh 02 cái vào đầu. Sau đó, anh Phạm Hữu T3 (con út của bà P) cũng chạy ra can ngăn thì bị các bị cáo D, S, T1, Đ cầm thanh sắt và cây gỗ lấy tại vườn nhà bà P đánh nhiều cái vào người, tay, chân anh T2 và anh T3 tại khu vực chuồng Dê. Khi đó, bà P sử dụng điện thoại để gọi người đến giúp thì bị bị cáo T cầm chiếc Cào đánh trúng tay phải. Do anh T2 và anh T3 vùng dậy bỏ chạy ra phía sau nhà thì nhóm của bị cáo D đuổi theo đến khu vực vị trí gốc cây Điều. Tại đây, các bị cáo D, T1, Đ, S cầm thanh sắt, cây gỗ tiếp tục đánh nhiều cái vào người anh T2 và anh T3, khi bà P vào can ngăn thì nhóm của bị cáo D đánh bà P nhiều cái vào người, tay, chân. Đánh liên tiếp khoảng 10 phút thì bị cáo D nói dừng lại và lấy điện thoại của mình ra bật nút quay phim rồi đưa cho bị cáo T cầm quay. Bị cáo D bắt anh T2 và anh T3 nhận đánh nhóm của bị cáo D trước nên nhóm của bị cáo mới đánh lại nhưng bà P ngăn lại không cho anh T2, anh T3 nói thì nhóm của bị cáo D tiếp tục cầm cây đánh cả 03 mẹ, con bà P, đánh liên tục 10 phút thì nghe tiếng người đi đến nên nhóm của bị cáo D không đánh nữa. Khi đó, bị cáo S và bị cáo Đ vút hung khí xuống đất còn bị cáo T1 vẫn cầm cây gỗ trên tay, bị cáo D cầm thanh sắt đánh thêm vào tay anh T2 01 cái thì được anh Nguyễn Văn L (công an viên) can ngăn. Tại thời điểm này, bà P phát hiện dây chuyền vàng đeo trên cổ bị đứt còn một đoạn ở trên áo nên yêu cầu nhóm của bị cáo D đứng lại để kiểm tra nhưng cả nhóm không đồng ý và bỏ về. Sau đó, bà P, anh T2 và anh T3 được mọi người đưa đến Trung Tâm Y tế huyện X cấp cứu và chuyển đến Bệnh viện B điều trị thương tích. Tại bệnh viện, anh T2 lấy điện thoại trong túi quần của mình để liên lạc thì phát hiện điện thoại đã bị nhóm của bị cáo D đánh bể, vỡ màn hình và mặt sau nên đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Qua làm việc, bị cáo D khai bị thương tích do bà P cầm dao chém vào vùng đầu, bị cáo T khai bị anh T2 cầm thanh sắt đánh vào tay trái. Đồng thời, do các bị hại đánh nên mới đánh lại, riêng bị cáo Đ và bị cáo T1 không thừa nhận gây thương tích cho các bị hại mà chỉ vào can ngăn.

Nhận thấy lời khai của các bị cáo có những điểm không tương đồng về nội dung, diễn biến sự việc và mâu thuẫn với lời khai của bị hại nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (từ đây viết tắt là Cơ quan Cảnh sát Điều tra) đã tiến hành thực nghiệm lại hiện trường; tiến hành nhận dạng, đối chất để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa các lời khai cũng như diễn biến nội dung sự việc nhưng bị hại và các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành lập biên bản xác định hiện trường, thực nghiệm điều tra (kèm bản ảnh), lập biên bản xem xét dấu vết trên thân thể; ra Quyết định trưng cầu giám định, định giá tài sản; ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 dao rựa bằng kim loại có tổng chiều dài 48,5 cm (cán rựa dài 18 cm

có quần một lớp dây cao su màu đen, lưỡi rựa cong có đầu nhọn, hình vòng cung (C) dài 30,5 cm); 01 dao bằng kim loại, có tổng chiều dài là 33,5 cm (lưỡi dao dài 24 cm, bề rộng nhất 6,2 cm, đầu lưỡi dao bằng; cán dao dài 9,5 cm); 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 115 cm, hình tròn đường kính 3,5 cm (một đầu tròn, một đầu còn lại mũi nhọn bị gấp dẹp lại); 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 90 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 65,5 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 101 cm, hình vuông kích thước 2,5 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 128 cm, hình thang (dẹp) kích thước 1,5 cm x 2,5 cm (có một đầu cong, một đầu còn lại có hàn một thanh sắt nằm ngang dài 7 cm); 01 cào có cán bằng gỗ dài 124,5 cm, có lưỡi bằng kim loại ngang 40 cm có các thanh sắt nhỏ dài 10 cm; 01 xà beng bằng kim loại có tổng chiều dài là 120,5 cm (có 01 đầu nhọn, 01 đầu dẹp 7 cm, có đường kính thân là 3 cm); 01 đoạn gỗ, có tổng chiều dài là 143,5 cm (01 đầu nhỏ nhọn là 01 cm, 01 đầu to nhất là 6,5 cm); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax 128GB, màu vàng Gold, bị bể màn hình sau, nứt bể cụm camera, mặt trước màn hình mở nguồn có màu trắng được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có dấu mộc đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Phi H, Ngô Văn T, Phạm Văn T; 01 đoạn dây chuyền vàng 18K, dài 9 cm, trọng lượng 4,3 phân, dạng dây xoắn được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có dấu mộc đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Phi H, Ngô Văn T, Nguyễn Thị P.

A. Tại các bản kết luận giám định thể hiện:

**1. Kết luận thương tích của các bị hại:*

1.1/ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 498/KLTTCT-PYBRVT, ngày 11/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận thương tích của Nguyễn Thị P.

- Các kết quả chính:

+ Kết quả khám giám định: 02 sẹo nhỏ vùng mặt, 01 sẹo nhỏ ngón tay, nhiều vết bầm tụ máu và trầy xước da trên cơ thể.

+ Kết quả cận lâm sàng: Nứt đầu xa đốt gần ngón IV bàn tay phải.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng – Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị P tại thời điểm giám định là 09% (chín phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng vết thương: Thương tích 1 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%; Thương tích 2 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 03%; Thương tích 5 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%; Thương tích 3, 4, 6, 7, 8 có tỷ lệ tổn thương cơ thể chung là 01%.

+ Về vật gây thương tích: Các thương tích trên được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày.

1.2/ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 497/KLTTCT-PYBRVT, ngày 08/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận thương tích của Phạm Văn T2.

- Các kết quả chính:

+ Kết quả khám giám định: 02 sẹo trung bình, 01 sẹo nhỏ. Đau và sưng bầm nhiều nơi trên cơ thể.

+ Kết quả cận lâm sàng: Gãy thân xương trụ trái.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng – Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn T2 tại thời điểm giám định là 13% (mười ba phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Về vật gây thương tích: Các thương tích của nạn nhân được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày.

+ Tỷ lệ phần trăm thương tật từng vết thương: Thương tích 1 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%; Thương tích 2 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%; Thương tích 3 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%; Thương tích 4 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; Thương tích 5 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

1.3/ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 499/KLTTCT-PYBRVT, ngày 11/12/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận thương tích của Phạm Hữu T3.

- Các kết quả chính:

+ Kết quả khám giám định: 04 sẹo nhỏ. Nhiều vết bầm tụ máu và trầy xước da nông.

+ Kết quả cận lâm sàng: Gãy đầu dưới xương mác trái, không di lệch.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng – Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Hữu T3 tại thời điểm giám định là 09% (chín phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng vết thương: Thương tích 1, 2, 5, 6 mỗi thương tích có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%; Thương tích 3 có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 04%; Thương tích 4, 7, 8 có tỷ lệ tổn thương cơ thể chung là 01%.

+ Về vật gây thương tích: Các thương tích trên được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày.

**2. Kết luận thương tích của các bị cáo:*

2.1/ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 27/KLTTCT-PYBRVT, ngày 22/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, kết luận:

- Các kết quả chính: Kết quả khám giám định 01 sẹo trung bình.

- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng – Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lưu Mạnh D tại thời điểm giám định là 02% (hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Vật gây thương tích: Thương tích khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc.

2.2/ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 26/KLTTCT-PYBRVT, ngày 22/01/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận thương tích của Lưu Kiến T.

- Các kết quả chính: Kết quả khám giám định 01 sẹo nhỏ.
- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng – Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lưu Kiến T tại thời điểm giám định là 01% (một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.
- Vật gây thương tích: Thương tích trên được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng có cạnh sắc.

**3. Kết luận giám định gen (ADN):*

Kết luận giám định số 1348/KL-KTHS, ngày 23/02/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Trên cây rựa bằng kim loại dài 48,5 cm và 01 cây dao bằng kim loại dài 33,5 cm giám định đều có dính máu người. Phân tích thấy lẫn nhiều nguồn ADN. Phần lưỡi dao xác định được một kiểu gen nam giới, trùng với ADN của bị hại Phạm Văn T2. Phần lưỡi rựa xác định được một kiểu gen nữ giới, trùng với ADN của bị hại Nguyễn Thị P. Không xác định được kiểu gen của Lưu Kiến T, Lưu Mạnh D trên dao và rựa.

- Trên đoạn ống tuýp bằng kim loại dài 115 cm (hình tròn) xác định được một kiểu gen nam giới khác, không trùng với kiểu gen của Lưu Kiến T; Lưu Mạnh D; Phạm Văn T2 và Phạm Hữu T3.

- Trên 01 đoạn cây gổ tre dài 90 cm; 01 đoạn cây gổ tre dài 65,5 cm và 01 cây cào có lưỡi bằng kim loại dài 124,5 cm đều có dính máu người. Phân tích thấy lẫn nhiều nguồn ADN, trong đó xác định được một kiểu gen nam giới, trùng với ADN của bị hại Phạm Văn T2 và một kiểu gen nữ giới, trùng với ADN của bị hại Nguyễn Thị P.

**4. Kết luận định giá tài sản:*

Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG, ngày 20/5/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện X, kết luận. Tại thời điểm xảy ra vụ án trên địa bàn huyện X, giá trị thiệt hại của các tài sản định giá là: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4 chỉ hình xoắn ốc và 01 mặt dây chuyền trọng lượng 01 chỉ (gồm ngọc và viền vàng 18K) trị giá 27.750.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax 128GB trị giá 13.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 40.750.000 đồng.

B. Tại Cáo trạng số 68/CT-VKSXM, ngày 05/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu truy tố các bị cáo Lưu Kiến T, Lưu Mạnh D, Lý Văn S và Lê Thiện Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134; truy tố bị cáo Võ Đình T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lưu Kiến T, Lưu Mạnh D, Lý Văn S, Lê Thiện Đ và Võ Đình T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

a) Về hình phạt và điều luật áp dụng.

- Hình phạt chính:

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Kiến T từ 32 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Mạnh D từ 28 tháng đến 32 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn S từ 26 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thiện Đ từ 28 tháng đến 32 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 14/01/2024).

+ Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Đình T1 từ 32 tháng đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

b) Trách nhiệm dân sự.

Trong quá trình điều tra, các bị hại yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị P yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng số tiền 205.750.000 đồng (bao gồm: Tiền viện phí điều trị là 15.000.000 đồng; tiền ăn, uống và nhờ người chăm sóc nuôi bệnh nằm viện là 6.000.000 đồng; tiền công lao động bị gãy ngón tay không thể đi làm từ tháng 12/2023 đến nay mỗi tháng 4.500.000 đồng/6 tháng là 27.000.000 đồng; tiền chi phí để phẫu thuật xóa sẹo trên mặt là 30.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần, ảnh hưởng đến sức khỏe là 90.000.000 đồng; tiền chi phí để đi phẫu thuật nối gân ngón tay là 20.000.000 đồng; tiền thiệt hại tài sản từ hành vi phạm tội của các bị cáo làm đứt và mất dây chuyền vàng là 27.750.000 đồng).

- Anh Phạm Văn T2 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng số tiền 215.000.000 đồng (bao gồm: Tiền viện phí điều trị là 15.000.000 đồng; tiền ăn, uống và nhờ người chăm sóc nuôi bệnh nằm viện là 6.000.000 đồng; tiền công lao động đang xuất khẩu làm việc tại Nhật Bản bị gãy tay không thể đi làm từ tháng 12/2023 đến nay mỗi tháng 15.000.000 đồng/6 tháng là 90.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần, ảnh hưởng đến sức khỏe là 90.000.000 đồng; tiền thiệt hại tài sản (điện thoại) là 14.000.000 đồng).

- Anh Phạm Hữu T3 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng số tiền 116.000.000 đồng (bao gồm: Tiền viện phí điều trị là 20.000.000 đồng; tiền ăn, uống và nhờ người chăm sóc nuôi bệnh nằm viện là 6.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần, ảnh hưởng đến sức khỏe là 90.000.000 đồng).

Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị hại xin rút, thay đổi và bổ sung một phần yêu cầu cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị P yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng số tiền 211.610.000 đồng, bao gồm: Tiền xe đi cấp cứu và đi tái khám (của 03 mẹ, con) tổng là 7.000.000 đồng; tiền viện phí điều trị là 5.000.000 đồng; chi phí cho người chăm sóc trong thời gian điều trị là 1.260.000 đồng (09 ngày); thu nhập thực tế bị mất, giảm sút do bị gãy ngón tay không thể đi làm trong 06 tháng (từ đầu tháng 12/2023 đến hết tháng 5 năm 2024) mỗi tháng 4.500.000 đồng x 06 tháng là 27.000.000 đồng; chi phí phục hồi, hỗ trợ để phẫu thuật xóa sẹo trên mặt là 42.000.000 đồng (kèm 01 tuýp kem trị nám sẹo là 1.600.000 đồng); chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là 10.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 90.000.000 đồng (tương đương 50 lần mức lương cơ sở); tiền tổn thất về tài sản (dây chuyền vàng và mặt dây chuyền vàng) là 27.750.000 đồng.

- Anh Phạm Văn T2 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng số tiền 146.260.000 đồng, bao gồm: Tiền viện phí điều trị là 5.000.000 đồng; chi phí cho người chăm sóc trong thời gian điều trị là 1.260.000 đồng (09 ngày); thu nhập thực tế bị mất, giảm sút do bị gãy tay không thể đi làm trong 06 tháng (từ đầu tháng 12/2023 đến hết tháng 5 năm 2024) mỗi tháng 4.500.000 đồng x 06 tháng là 27.000.000 đồng; chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút là 10.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 90.000.000 đồng (tương đương 50 lần mức lương cơ sở); tiền tổn thất về tài sản (điện thoại) là 13.000.000 đồng.

- Anh Phạm Hữu T3 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường tổng số tiền 111.260.000 đồng, bao gồm: Tiền xe đi cấp cứu (10 lần) là 5.000.000 đồng; tiền viện phí điều trị là 5.000.000 đồng; chi phí cho người chăm sóc trong thời gian điều trị là 1.260.000 đồng (09 ngày); chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút do gãy chân là 10.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 90.000.000 đồng (tương đương 50 lần mức lương cơ sở).

Như vậy, đối với yêu cầu đòi bồi thường của bà Nguyễn Thị P (bao gồm tất cả các khoản) tổng cộng số tiền 211.610.000 đồng, cụ thể (211.610.000 đồng : 5 người = 42.322.000 đồng/người). Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà P số tiền là 42.322.000 đồng; đối với yêu cầu đòi bồi thường của anh Phạm Văn T2 (bao gồm tất cả các khoản) tổng cộng số tiền 146.260.000 đồng, cụ thể (146.260.000 đồng : 5 người = 29.252.000 đồng/người). Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T2 số tiền là 29.252.000 đồng; đối với yêu cầu đòi bồi thường của anh Phạm Hữu T3 (bao gồm tất cả các khoản) tổng cộng số tiền 111.260.000 đồng, cụ thể (111.260.000 đồng : 5 người = 22.252.000 đồng/người). Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T3 số tiền là 22.252.000 đồng.

Các bị cáo đều đồng ý bồi thường cho các bị hại nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Ngoài ra, trước khi mở phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh N (là vợ của bị cáo Lưu Mạnh D) được bị cáo tác động nên đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà N và bị cáo D.

c) Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax 128GB, màu vàng Gold, bị bể màn hình sau, nứt bể cụm camera, mặt trước màn hình mở nguồn có màu trắng và 01 đoạn dây chuyền vàng 18K, dài 9 cm, trọng lượng 4,3 phân, dạng dây xoắn. Xác định đây là tài sản hợp pháp của bà P, anh T2 và không có tranh chấp nên cần trả lại cho chủ sở hữu là bà P và anh T2. Tuy nhiên, bà P và anh T2 đều từ chối nhận lại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình và cùng có ý kiến sung vào ngân sách nhà nước nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dao rựa bằng kim loại có tổng chiều dài 48,5 cm (cán rựa dài 18 cm có quấn một lớp dây cao su màu đen, lưỡi rựa cong có đầu nhọn, hình vòng cung (C) dài 30,5 cm); 01 dao bằng kim loại, có tổng chiều dài là 33,5 cm (lưỡi dao dài 24 cm, bề rộng nhất 6,2 cm, đầu lưỡi dao bằng; cán dao dài 9,5 cm); 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 115 cm, hình tròn đường kính 3,5 cm (một đầu tròn, một đầu còn lại mũi nhọn bị gấp dẹp lại); 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 90 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 65,5 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 101 cm, hình vuông kích thước 2,5 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 128 cm, hình thang (dẹp) kích thước 1,5 cm x 2,5 cm (có một đầu cong, một đầu còn lại có hàn một thanh sắt nằm ngang dài 7 cm); 01 cào có cán bằng gỗ dài 124,5 cm, có lưỡi bằng kim loại ngang 40 cm có các thanh sắt nhỏ dài 10 cm; 01 xà beng bằng kim loại có tổng chiều dài là 120,5 cm (có 01 đầu nhọn, 01 đầu dẹp 7 cm, có đường kính thân là 3 cm); 01 đoạn gỗ, có tổng chiều dài là 143,5 cm (01 đầu nhỏ nhọn là 01 cm, 01 đầu to nhất là 6,5 cm).

- Đối với 01 xe ô tô (không rõ biển số) do bị cáo D mượn của người anh tên T4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở xã H, huyện X để chở các bị cáo S, Đ và T1 đến nhà bị cáo T. Sau khi sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo D đã trả xe cho người này. Đến nay, không xác định được người tên T4 và xe ô tô đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa làm việc được cũng như không thu giữ được xe ô tô. Vì vậy, không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với 02 chiếc điện thoại (01 của bị cáo T và 01 của bị cáo D) sử dụng để liên lạc với nhau. Quá trình điều tra không thu giữ được nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng do bà N tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số 0001601, ngày 05/9/2024. Đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, mặc dù nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng do lo sợ nên đã khai báo không đúng sự thật nhưng sau khi được Hội đồng xét xử giải thích về sự khoan hồng của pháp luật thì tự nguyện khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận. Riêng bị cáo T1 thừa nhận việc đồng phạm và xin chịu trách nhiệm hình

sự về việc đồng phạm còn vẫn giữ nguyên lời khai ban đầu.

Bị hại là bà P, anh T2 và anh T3 có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật và vẫn giữ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại như đã trình bày. Ngoài đề nghị và yêu cầu trên, các bị hại không có ý kiến và yêu cầu bổ sung gì khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà N không có ý kiến gì về số tiền 30.000.000 đồng đã nộp tại Cơ quan Thi hành án Dân sự để khắc phục một phần hậu quả thay cho bị cáo D nhưng xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và gửi lời xin lỗi đến bị hại, gia đình bị hại; người làm chứng có mặt cũng như vắng mặt tại phiên tòa, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không ai có ý kiến bổ sung gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 14 giờ ngày 26/11/2023, bà Nguyễn Thị P và con trai ruột là anh Phạm Văn T2 cắt cỏ phía sau vườn, khu vực sát ranh vườn nhà của bị cáo Lưu Kiến T nên bị cáo T đi ra chửi bới và hỏi tại sao cắt cỏ bên vườn nhà mình thì giữa hai bên xảy ra lời qua tiếng lại. Do bức tức nên bị cáo T chạy về và đi qua nhà bị cáo Lưu Mạnh D là cháu ruột với mục đích nhờ bị cáo D răn đe mẹ, con bà P thì được bị cáo D đồng ý và hẹn chiều sẽ qua. Đến chiều, do chưa thấy bị cáo D qua nên bị cáo T tiếp tục gọi điện thoại thì được bị cáo D trả lời qua liên (qua ngay). Khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo D điều khiển xe ô tô (không rõ biển số) chở các bị cáo Lý Văn S, Võ Đình T1 và Lê Thiện Đ đến nhà bị cáo T, sau đó tất cả cùng qua nhà tìm bà P. Cả nhóm gồm 05 người đi băng qua lối sau nhà bà P, bị cáo D là người đập hàng rào lưới B40 để đi vào vườn đến khu vực chuồng Dê thấy bà P đang đứng trên tay cầm 01 chiếc dao rựa. Lúc này, bị cáo D đứng đối diện bà P nói chuyện thì hai bên xảy ra việc cãi chửi nhau. Tại đây, bị cáo D cầm thanh sắt hình thang lấy tại chuồng Dê đánh vào má trái kéo xuống phần ngực trái của bà P gây thương tích; anh T2 chạy ra can ngăn thì bị bị cáo S cầm thanh sắt vuông đánh 02 cái vào đầu làm chảy máu; anh Phạm Hữu T3 (con út của bà P) chạy ra thì bị các bị cáo S, Đ và T1 cầm thanh sắt, cây gỗ đánh nhiều cái vào người, tay, chân anh T2 và anh T3. Bà P thì bị bị cáo T cầm cây Cào đánh vào tay phải. Ngay tại thời điểm này, anh T2 và anh T3 vùng dậy bỏ chạy ra sau nhà thì bị các bị cáo D, S, Đ và T1 rượt đuổi đến vị trí gốc cây Điều và tiếp tục dùng hung khí đánh nhiều cái vào người, tay, chân anh T2 và anh T3; bà P vào can ngăn thì cũng bị nhóm của bị cáo D đánh vào người. Sau đó, bà P, anh T2 và anh T3 được mọi người đưa đến Trung Tâm Y tế huyện X cấp cứu và chuyển đến Bệnh viện B điều trị thương tích đến ngày 04/12/2023 thì ra viện.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và của người làm chứng; phù hợp

với biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, sơ đồ nơi xảy ra vụ việc, biên bản nhận dạng (kèm bản ảnh nhận dạng); phù hợp biên bản xác định hiện trường, thực nghiệm điều tra (kèm bản ảnh), biên bản xem xét dấu vết trên thân thể; phù hợp với kết luận giám định pháp y về thương tích, kết luận giám định gen (ADN) và kết luận định giá tài sản, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của bị hại bà Nguyễn Thị P là 09%, anh Phạm Văn T2 là 13% và anh Phạm Hữu T3 là 09%. Về vật gây thương tích, cụ thể: Các thương tích trên được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày.

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội xâm phạm đến quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của con người nhưng với bản tính ngang ngược, hung hăng, liều lĩnh và coi thường những quy tắc trong cuộc sống nên các bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật cố ý xâm phạm sức khỏe của các bị hại bằng cách dùng hung khí nguy hiểm tác động trực tiếp đến cơ thể các bị hại.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được pháp luật bảo vệ về sức khỏe của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra tất cả các bị cáo đều quanh co, chối tội, không thừa nhận hoặc nhận tội thay. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình cho nên, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo T1, mặc dù thừa nhận việc đồng phạm nhưng vẫn không thành khẩn khai báo và vẫn giữ nguyên lời khai ban đầu nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này; riêng bị cáo D, trước khi mở phiên tòa đã tác động vợ của mình bồi thường được một phần số tiền theo yêu cầu của các bị hại nên bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đã khắc phục được một phần trách nhiệm dân sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án có 05 bị cáo cùng tham gia nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính

chất đồng phạm giản đơn. Xuất phát từ việc bức tức với bà Nguyễn Thị P nhưng bị cáo Lưu Kiến T đã không kìm chế bản thân để tìm hướng giải quyết mâu thuẫn theo chuẩn mực chung của xã hội mà chủ động nhờ bị cáo Lưu Mạnh D răn đe bà P, sau đó bị cáo D rủ thêm các bị cáo Lý Văn S, Võ Đình T1 và Lê Thiện Đ cùng tham gia. Như vậy, bị cáo T là người khởi xướng đầu tiên sau đó đến bị cáo D nên bị cáo T và bị cáo D thực hiện tội phạm với vai trò vừa là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy các bị cáo khác thực hiện tội phạm vừa là người thực hành, còn các bị cáo S, T1 và Đ thực hiện tội phạm với vai trò vừa là người thực hành vừa là người giúp sức. Bị cáo T và bị cáo S được cơ quan chức năng xác định chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo D cũng chưa có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân ngày 06/4/2001, bị Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lập hồ sơ đưa vào Trường giáo dưỡng; ngày 29/01/2018, bị Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác và ngày 28/12/2018, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng các bị cáo không lấy đó làm tiêu chuẩn, thước đo trong cuộc sống hằng ngày để rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu trở thành công dân tốt mà khi xảy ra mâu thuẫn lại xử lý tình huống một cách thiếu văn hóa và hết sức manh động; đối với bị cáo Đ, có một tiền sự vào ngày 07/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng và về nhân thân vào ngày 03/6/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục phạm tội mới. Riêng bị cáo T1, phạm tội từ năm 2000 đến nay, cụ thể: Ngày 14/12/2000, bị Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 10/12/2003, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; ngày 14/8/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 27/9/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 11 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này bị cáo được xác định là tái phạm nguy hiểm và đủ cơ sở xác định bị cáo là người có nhân thân xấu, khó giáo dục, cải tạo.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, có tính chất côn đồ hung hãn và dùng hung khí nguy hiểm để gây nên thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể cho bà P là 09%, anh T2 là 13% và anh T3 là 09%. Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần phải áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo T1 nghiêm khắc hơn các bị cáo khác, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của anh Nguyễn Văn L là người làm chứng nhưng anh L đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt anh L không ảnh hưởng

đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định và là lao động chính trong gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã đồng ý bồi thường cho các bị hại (bao gồm tất cả các khoản), chi tiết như sau: Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị P, tổng cộng số tiền 211.610.000 đồng, cụ thể (211.610.000 đồng : 5 người = 42.322.000 đồng/người). Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà P số tiền là 42.322.000 đồng; đối với yêu cầu của anh Phạm Văn T2, tổng cộng số tiền 146.260.000 đồng, cụ thể (146.260.000 đồng : 5 người = 29.252.000 đồng/người). Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T2 số tiền là 29.252.000 đồng và đối với yêu cầu của anh Phạm Hữu T3, tổng cộng số tiền 111.260.000 đồng, cụ thể (111.260.000 đồng : 5 người = 22.252.000 đồng/người). Theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh T3 số tiền là 22.252.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax 128GB, màu vàng Gold, bị bể màn hình sau, nứt bể cụm camera, mặt trước màn hình mở nguồn có màu trắng và 01 đoạn dây chuyền vàng 18K, dài 9 cm, trọng lượng 4,3 phân, dạng dây xoắn. Đây là tài sản hợp pháp của bà P, anh T2 và không có tranh chấp nên cần trả lại cho chủ sở hữu vì không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà P và anh T2 đều từ chối nhận lại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình và cùng có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Nhận thấy, đây là quyền tự quyết định, định đoạt và là ý chí tự nguyện của bà P và anh T2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 dao rựa bằng kim loại có tổng chiều dài 48,5 cm (cán rựa dài 18 cm có quấn một lớp dây cao su màu đen, lưỡi rựa cong có đầu nhọn, hình vòng cung (C) dài 30,5 cm); 01 dao bằng kim loại, có tổng chiều dài là 33,5 cm (lưỡi dao dài 24 cm, bề rộng nhất 6,2 cm, đầu lưỡi dao bằng; cán dao dài 9,5 cm); 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 115 cm, hình tròn đường kính 3,5 cm (một đầu tròn, một đầu còn lại mũi nhọn bị gấp dẹp lại); 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 90 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 65,5 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 101 cm, hình vuông kích thước 2,5 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 128 cm, hình thang (dẹp) kích thước 1,5 cm x 2,5 cm (có một đầu cong, một đầu còn lại có hàn một thanh sắt nằm ngang dài 7 cm); 01 cào có cán bằng gỗ dài 124,5 cm, có lưỡi bằng kim loại ngang 40 cm có các thanh sắt nhỏ dài 10 cm. Đây là những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xà beng bằng kim loại có tổng chiều dài là 120,5 cm (có 01 đầu nhọn, 01 đầu dẹp 7 cm, có đường kính thân là 3 cm); 01 đoạn gỗ, có tổng chiều dài là 143,5 cm (01 đầu nhỏ nhọn là 01 cm, 01 đầu to nhất là 6,5 cm). Quá trình điều tra xác định không liên

quan trực tiếp đến hành vi phạm tội và đây là những đồ vật của gia đình bà P nhưng bà P từ chối nhận lại và đề nghị tịch thu tiêu hủy nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 xe ô tô (không rõ biển số) do bị cáo D mượn của người anh tên T4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở xã H, huyện X để chở các bị cáo S, Đ và T1 đến nhà bị cáo T. Sau khi sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo D đã trả xe cho người này. Đến nay, không xác định được người tên T4 và xe ô tô đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa làm việc được cũng như không thu giữ được xe ô tô; 02 chiếc điện thoại (01 của bị cáo T và 01 của bị cáo D) sử dụng để liên lạc với nhau trong khi thực hiện hành vi phạm tội, quá trình điều tra không thu giữ được. Do đó, hành vi của người tên T4 và những đồ vật nêu trên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Số tiền 30.000.000 đồng do bà N tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số 0001601, ngày 05/9/2024. Đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Các vấn đề khác:

- Về hành vi gây thương tích của bà P, anh T2 và anh T3 cho bị cáo T và bị cáo D. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra xác định, đây là hành động cần thiết của bà P, anh T2 và anh T3 để chống trả và trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của các bị cáo. Mặt khác, tỉ lệ tổn thương cơ thể của bị cáo T là 01% và của bị cáo D là 02% do bà P, anh T2 và anh T3 gây ra là chưa đủ định lượng để xem xét, xử lý nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không khởi tố hành vi của các bị hại.

- Về lời khai của bị cáo S và bị cáo T1 cho rằng bị anh T2 đánh vào đầu và vào tay nhưng cả bị cáo S và bị cáo T1 đều không có thương tích nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không có cơ sở xem xét, xử lý.

- Về hành vi của bị cáo S khi sử dụng thanh sắt đánh vào vùng đầu (vùng trọng yếu) của anh T2 nhưng tỉ lệ thương tích thấp và khi thấy anh T2 bị chảy máu thì không đánh nữa. Như vậy, xét cả về lí trí và ý chí thì bị cáo S không nhằm tước đoạt sinh mạng của anh T2 nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xem xét đối với bị cáo S về tội “Giết người”.

- Đối với lời khai của bà P về việc đứt và mất một phần sợi dây chuyền vàng, hiện còn lại một phần và lời khai của anh T2 về việc bị võ, bể 01 điện thoại hiệu Iphone 13 Promax 128GB. Quá trình điều tra, bà P và anh T2 đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra nhưng các bị cáo đều không thừa nhận gây ra thiệt hại về tài sản cho bà P và anh T2. Tuy nhiên, căn cứ vào chứng cứ, đồ vật bị hại giao nộp từ khi xảy ra vụ án thì có căn cứ xác định lời khai của bà P và anh T2 là phù hợp với diễn biến vụ án. Như vậy, ngoài lời khai của bà P và anh T2 thì không có chứng cứ khác chứng minh các bị cáo đã lấy sợi dây chuyền vàng bị đứt của bà P và trong khi các bị cáo gây thương tích cho anh T2 không biết việc anh T2 để điện thoại trong túi nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xem xét, xử lý các bị cáo về tội “Cướp tài sản” hay “Hủy hoại tài sản”.

Tất cả các vấn đề nêu trên, do Cơ quan Cảnh sát Điều tra không đủ căn cứ hoặc không có cơ sở để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí hình sự: Các bị cáo Lưu Kiến T, Lưu Mạnh D, Lý Văn S, Võ Đình T1 và bị cáo Lê Thiện Đ. Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[9.2] Án phí dân sự: Các bị cáo Lưu Kiến T, Lý Văn S, Võ Đình T1 và bị cáo Lê Thiện Đ. Mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự 4.691.300 đồng (cụ thể: Tổng số tiền phải bồi thường của mỗi bị cáo là 93.826.000 đồng x 5%); bị cáo Lưu Mạnh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự 3.191.300 đồng (cụ thể: Tổng số tiền còn phải bồi thường của bị cáo D là 93.826.000 đồng – 30.000.000 đồng = 63.826.000 đồng x 5%).

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lưu Kiến T (tên gọi khác: P); bị cáo Lưu Mạnh D (tên gọi khác: DG); bị cáo Lý Văn S (tên gọi khác: S1); bị cáo Võ Đình T1 (tên gọi khác: TE) và bị cáo Lê Thiện Đ (tên gọi khác: CL) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng.

- Hình phạt chính:

2.1/ Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lưu Kiến T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

2.2/ Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lưu Mạnh D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

2.3/ Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lý Văn S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

2.4/ Căn cứ vào các điểm đ và đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Võ Đình T1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 10/01/2024).

2.5/ Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thiện Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 14/01/2024).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 288, Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự:

3.1/ Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị P (bao gồm tất cả các khoản) với tổng số tiền là 211.610.000 đồng. Buộc các bị cáo Lưu Kiến T, Lưu Mạnh D, Lý Văn S, Võ Đình T1 và bị cáo Lê Thiện Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà P, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 42.322.000 đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng); riêng bị cáo Lưu Mạnh D được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng (trong tổng số tiền 30.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001601, ngày 05/9/2024), số tiền bị cáo D còn phải tiếp tục bồi thường cho bà P là 32.322.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

3.2/ Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc bồi thường cho bị hại anh Phạm Văn T2 (bao gồm tất cả các khoản) với tổng số tiền là 146.260.000 đồng. Buộc các bị cáo Lưu Kiến T, Lưu Mạnh D, Lý Văn S, Võ Đình T1 và bị cáo Lê Thiện Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh T, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 29.252.000 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng); riêng bị cáo Lưu Mạnh D được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng (trong tổng số tiền 30.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001601, ngày 05/9/2024), số tiền bị cáo D còn phải tiếp tục bồi thường cho anh T2 là 19.252.000 đồng (mười chín triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

3.3/ Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc bồi thường cho bị hại anh Phạm Hữu T3 (bao gồm tất cả các khoản) với tổng số tiền là 111.260.000 đồng. Buộc các bị cáo Lưu Kiến T, Lưu Mạnh D, Lý Văn S, Võ Đình T1 và bị cáo Lê Thiện Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh T3, theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 22.252.000 đồng (hai mươi hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng); riêng bị cáo Lưu Mạnh D được trừ đi số tiền 10.000.000 đồng (trong tổng số tiền 30.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001601, ngày 05/9/2024), số tiền bị cáo D còn phải tiếp tục bồi thường cho anh T3 là 12.252.000 đồng (mười hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền bồi thường nói trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

4.1/ Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại bà Nguyễn Thị P và anh Phạm Văn T2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax 128GB, màu vàng Gold, bị bể màn hình sau, nứt bể cụm camera, mặt trước màn hình mở nguồn có màu trắng được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có dấu mộc đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Phi H, Ngô Văn T, Phạm Văn T và 01 đoạn dây chuyền vàng 18K, dài 9 cm, trọng lượng 4,3 phân, dạng dây xoắn được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có dấu mộc đỏ của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X và các chữ ký ghi họ tên Nguyễn Phi H, Ngô Văn T, Nguyễn Thị P.

4.2/ Tịch thu tiêu hủy 01 dao rựa bằng kim loại có tổng chiều dài 48,5 cm (cán rựa dài 18 cm có quấn một lớp dây cao su màu đen, lưỡi rựa cong có đầu nhọn, hình vòng cung (C) dài 30,5 cm); 01 dao bằng kim loại, có tổng chiều dài là 33,5 cm (lưỡi dao dài 24 cm, bề rộng nhất 6,2 cm, đầu lưỡi dao bằng; cán dao dài 9,5 cm); 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 115 cm, hình tròn đường kính 3,5 cm (một đầu tròn, một đầu còn lại mũi nhọn bị gấp dẹp lại); 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 90 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 đoạn cây gỗ tre, có tổng chiều dài là 65,5 cm, hình tròn đường kính 3 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 101 cm, hình vuông kích thước 2,5 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại có tổng chiều dài là 128 cm, hình thang (dẹp) kích thước 1,5 cm x 2,5 cm (có một đầu cong, một đầu còn lại có hàn một thanh sắt nằm ngang dài 7 cm); 01 cào có cán bằng gỗ dài 124,5 cm, có lưỡi bằng kim loại ngang 40 cm có các thanh sắt nhỏ dài 10 cm; 01 xà beng bằng kim loại có tổng chiều dài là 120,5 cm (có 01 đầu nhọn, 01 đầu dẹp 7 cm, có đường kính thân là 3 cm); 01 đoạn gỗ, có tổng chiều dài là 143,5 cm (01 đầu nhỏ nhọn là 01 cm, 01 đầu to nhất là 6,5 cm).

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 64/BB, ngày 19/7/2024).

4.3/ Đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng thu giữ theo Biên lai thu tiền số 0001601, ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; các điểm a, g khoản 1 Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lưu Kiến T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 4.691.300 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

- Bị cáo Lưu Mạnh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 3.191.300 đồng (ba triệu một trăm chín mươi một nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

- Bị cáo Lý Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 4.691.300 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

- Bị cáo Võ Đình T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 4.691.300 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

- Bị cáo Lê Thiện Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 4.691.300 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi một nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ CSĐT Công an huyện X;
- CQ THAHS Công an huyện X;
- UBND xã B, huyện X;
- UBND xã S, huyện C;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CC THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến

